

Mã học phần: **PHY00001**

Phòng thi: **E205**

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Xuân Đạt Chữ ký: R	Họ, tên: Lê Trần Chữ ký: Phan	Họ, tên: Chữ ký:
2) Nguyễn Tiến Thành Chữ ký: H		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	1314121	Hồ Hoàng	Hải		<i>[Signature]</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	1315181	Võ Lê Gia	Huy				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	1416026	Lê Tuấn	Đạt				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	1512202	Nguyễn Quang	Huy		<i>[Signature]</i>	1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	1515064	Nguyễn Trường Nữ	Hà				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	1521005	Nguyễn Thị	Bông		<i>[Signature]</i>	2	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	1521058	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		<i>[Signature]</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	1614021	Phạm Minh	Châu		<i>[Signature]</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	1619210	Nguyễn Minh	Rạng		<i>[Signature]</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	1712234	Hoàng Nghĩa Văn	Phòng		<i>[Signature]</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	1712385	Nguyễn Ngọc	Duy		<i>[Signature]</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	1712779	Trương Thị Thu	Thảo		<i>[Signature]</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	1713088	Đinh Hoàng	Ngân		<i>[Signature]</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	1715043	Vương Thúy	An		<i>[Signature]</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	1719102	Phạm Ngô Thùy	Linh		<i>[Signature]</i>	2	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	1719213	Nguyễn La Ngọc	Trân		<i>[Signature]</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	1720053	Châu Huỳnh	Đức		<i>[Signature]</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	18110031	Phạm Tấn	An				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	18140008	Nguyễn Khánh	Đăng		<i>[Signature]</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	18140019	Đặng Hoàng Gia	Huy		<i>[Signature]</i>	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	18140025	Nguyễn Pha	Lê		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	18140027	Nguyễn Diệu	Linh		<i>[Signature]</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	18140031	Trần Đình	Lộc		<i>[Signature]</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	18140036	Nguyễn Bình	Minh		<i>[Signature]</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	18140037	Nguyễn Trịnh Anh	Minh		<i>[Signature]</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Hà Minh Ninh* Chữ ký: *[Signature]*2) *N. Nguyễn Văn Trường* Chữ ký: *[Signature]*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Le Trần* Chữ ký: *[Signature]*Chữ ký: *[Signature]*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *[Signature]*Chữ ký: *[Signature]*



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											5 + 0.5	Ghi chú
26	18140040	Nguyễn Đoàn Mỹ	Ngọc			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	18140046	Võ Thị Tuyết	Nhi			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	18140047	Dương Hồng	Phát			6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	18140056	Trương Quốc	Thắng			8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	18140057	Lê Minh	Thành			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	18140060	Võ Huỳnh Phương	Thảo			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	18140063	Phạm Huyền Minh	Thông			8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	18140064	Chu Thị Minh	Thư			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	18140069	Nguyễn Khánh	Trân			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	18140071	Nguyễn Xuân	Triết			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	18140078	Phan Phú	Vinh			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	18140079	Lê Quỳnh Mộng	Vy			5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	18140086	Nguyễn Tiến	Hoàng			6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	18140092	Lê Trần Khôi	Nguyên			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	18140095	Võ Chí	Tâm			8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	18140097	Đoàn Châu Thành	Vinh			9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	18140100	Trần Ngọc Minh	Anh			6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	18140101	Nguyễn Thị	Ánh			8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	18140102	Lê Nguyễn	Bình			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
45	18140103	Lê Thanh	Bình			6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
46	18140104	Đinh Trần Thái	Chân			5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
47	18140106	Trần Thị Mỹ	Châu			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
48	18140108	Hoàng Trần Bảo	Dung			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
49	18140116	Hồ Trung	Kiên			1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
50	18140133	Nguyễn Thị Thu	Thảo			5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Hà Minh Nhứt
1).....Chữ ký:
2).....Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Lê Trần
.....Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....Chữ ký:



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0.5	Ghi chú
51	18140136	Lê Thị Hoài	Thương		<i>Thương</i>	1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
52	18140141	Nguyễn Văn	Trí		<i>Trí</i>	1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
53	18140145	Phạm Thị Tú	Uyên		<i>Uyên</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
54	18140160	Phạm Quế	Anh		<i>Quế</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
55	18140162	Đỗ Thị Thanh	Bình		<i>Thanh</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
56	18140163	Võ Kim	Bình		<i>Bình</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
57	18140164	Lai Tác	Bửu		<i>Tác</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
58	18140165	Nguyễn Hoàng	Cầm		<i>Hoàng</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
59	18140167	Nguyễn Thị Kim	Chi		<i>Kim</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
60	18140168	Nguyễn Thị Kim	Chi		<i>Kim</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
61	18140169	Lương Văn	Chức		<i>Chức</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
62	18140171	Võ Đình	Cương		<i>Cương</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
63	18140173	Nguyễn Hải	Đăng		<i>Đăng</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
64	18140176	Nguyễn Hữu	Đạt		<i>Đạt</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
65	18140177	Nguyễn Huy	Đạt				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
66	18140178	Lê Đình	Diệp		<i>Diệp</i>	4	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
67	18140180	Phạm Ngọc Ánh	Du		<i>Du</i>	6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
68	18140183	Đỗ Thị Quỳnh	Dương		<i>Quỳnh</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
69	18140184	Hồ Minh	Dương		<i>Minh</i>	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
70	18140185	Quan Cún	Dương		<i>Quan</i>	2	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
71	18140190	Phạm Thị Mỹ	Duyên		<i>Mỹ</i>	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
72	18140192	Phạm Thị Hồng	Gấm		<i>Hồng</i>	4	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
73	18140195	Nguyễn Thị Hải	Hà		<i>Hải</i>	7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
74	18140196	Nguyễn Thị Nguyệt	Hà		<i>Nguyệt</i>	2	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
75	18140197	Trần Thu	Hà		<i>Thu</i>	3	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Hà Minh Minh*
1).....*Hà Minh Minh*.....Chữ ký: *Hà Minh Minh*
2).....*Võ Hồng Hạnh*.....Chữ ký: *Võ Hồng Hạnh*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Lê Trần*
.....*Lê Trần*.....
Chữ ký: *Lê Trần*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH2**Ngày thi: **16/10/2018**Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0,5	Ghi chú
1	18140243	Đào Thị Thu	Lan			8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	18140249	Lê Thị Thùy	Linh			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	18140251	Phạm Nguyễn Khánh	Linh				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	18140252	Tô Ngọc	Linh			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	18140255	Nguyễn Thị Thanh	Loan			4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	18140256	Huỳnh Lê Thành	Long			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	18140258	Ngô Nguyễn Thiên	Long			7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	18140267	Nguyễn Thị	My			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	18140269	Trần Ngọc Khánh	My			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	18140270	Trần Thụy Trà	My			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	18140272	Trương Nhật	Nam			0,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	18140274	Nguyễn Hồng	Ngân			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	18140279	Bùi Thị Thanh	Nguyên			6	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	18140281	Nguyễn Trần Duy	Nguyên			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	18140284	Trần Minh	Nhật			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	18140285	Huỳnh Trang Thảo	Nhi			3	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	18140286	Lê Giang Tuyết	Nhi			5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	18140288	Nguyễn Lê Tuyết	Nhi			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	18140289	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nhi			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	18140290	Thái Thị Yến	Nhi			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	18140291	Võ Thị Yến	Nhi			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	18140294	Đào Thị Hồng	Nhung			2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	18140298	Đào Tấn	Nhật			9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	18140299	Nguyễn Thị Kiều	Oanh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	18140301	Hồ Long	Phú			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Chữ ký:
2) Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
 Chữ ký:
 Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH2**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tổ điểm										+ 0,5	Ghi chú	
26	18140302	Lê Thanh	Phú			6,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
27	18140306	Phan Việt Minh	Phúc			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
28	18140308	Nguyễn Thị Mai	Phụng			0,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
29	18140311	Ngô Thị Hà	Phượng			8	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
30	18140312	Võ Thị Bích	Phượng			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
31	18140317	Phan Minh	Qui			6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
32	18140319	Nguyễn Xuân	Quý			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
33	18140324	Huỳnh Thị Như	Quỳnh			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
34	18140325	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
35	18140328	Thạch	Sơn			2,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
36	18140329	Vũ Tuấn	Sơn			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
37	18140335	Nguyễn Văn	Tân			9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
38	18140336	Lê Ngọc	Thái			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
39	18140339	Nguyễn Tuấn	Thành			8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
40	18140344	Nguyễn Thị Phương	Thảo			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
41	18140346	Nguyễn Thị Phương	Thảo			9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
42	18140348	Trần Ngọc Anh	Thi				(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
43	18140352	Hồ Đặng Trường	Thịnh			3,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
44	18140354	Võ Ngọc Anh	Thơ			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
45	18140356	Đặng Nguyễn Anh	Thư			1,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
46	18140362	Nguyễn Võ Anh	Thư			5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
47	18140363	Thái Hà Minh	Thư			6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
48	18140364	Trần Thị Hoài	Thư			1,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
49	18140366	Nguyễn Thị Ngọc	Thứ			4,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
50	18140370	Lê Thị Thu	Thúy			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		

Cán bộ coi thi

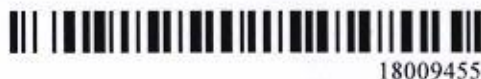
Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Huỳnh Tuấn Anh Chữ ký:

Họ, tên:
1) Lê Văn Anh Cường
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18HOH2**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+ 0,5	Ghi chú
51	18140374	Nguyễn Thị Thu	Thủy		<i>Thủy</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
52	18140377	Nguyễn Thiên	Tiến		<i>Thiên</i>	1,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
53	18140378	Đặng Hiếu	Tính		<i>Huỳnh</i>	5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
54	18140379	Trần Thị Xuân	Tịnh		<i>Trần</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
55	18140381	Hồ Ngọc Bảo	Trâm		<i>Bảo</i>	2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
56	18140384	Đậu Thị Mỹ	Trang		<i>Mỹ</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
57	18140385	Nguyễn Thị Thùy	Trang				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
58	18140388	Huỳnh Hữu	Trí		<i>Huỳnh</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
59	18140390	Lê Thụy Ngọc	Trinh		<i>Trinh</i>	4	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
60	18140391	Hồ Lê Thanh	Trúc		<i>Thanh</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
61	18140393	Nguyễn Thanh	Trúc		<i>Trúc</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
62	18140395	Thiều Thành	Trung		<i>Thiều</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
63	18140399	La Thị Kim	Tuyến		<i>Kim</i>	1,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
64	18140401	Trần Thị Thu	Tuyến		<i>Thu</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
65	18140402	Lê Trịnh Hoa	Tuyết		<i>Hoa</i>	0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
66	18140407	Trần Hỷ	Vinh		<i>Hỷ</i>	8	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
67	18140408	Nguyễn Anh	Vũ		<i>Anh</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
68	18140410	Phạm Đình Minh	Vũ		<i>Minh</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
69	18140411	Trần Lê Anh	Vũ		<i>Anh</i>	5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
70	18140412	Ngô Thụy Hương	Vy		<i>Hương</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
71	18140414	Phạm Ngọc Thuý	Vy		<i>Thuý</i>	1	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
72	18140416	Trịnh Xuân	Vỹ		<i>Trịnh</i>	4	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
73	18140417	Bùi Thị	Yên		<i>Yên</i>	7	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
74	18140418	Nguyễn Phước Khả	Yên			0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
75	18140420	Lê Minh	Cao		<i>Cao</i>	9	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Huỳnh T. Văn Anh*.....Chữ ký: *Thiên*
2) *Trần T. Tuyết Lan*.....Chữ ký: *Trần*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Lê Văn Anh Cường.....
Chữ ký: *Phạm*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH2**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											+0,5	Ghi chú
1	1415465	Nguyễn Thị Bích	Thủy				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
2	1420041	Cao Thái	Hiệp				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
3	1420131	Phan Hữu Thiên	Thuận		Thuan	1	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
4	1515235	Trương Thiên	Tân				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
5	1515347	Lê Thị Kim	Xuyến				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
6	1712086	Nguyễn Tân Gia	Lợi		Liv	5,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
7	1714358	Mai Nhật	Tân		May	7,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
8	1715245	Nguyễn Âu Ngọc	Phụng		Phung	5,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
9	1716021	Lạc Thành	Đạt		Lac	6,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
10	1719091	Nguyễn Hiếu	Kiên		Nhieu	5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
11	1719092	Trần Trung	Kiên		Tran	1,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
12	1719126	Bùi Trần Trung	Nguyên		Bui	5,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
13	18140001	Thái Phúc	Ân		Phu	8	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
14	18140005	Nguyễn Thành	Bảo		Bao	10	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
15	18140043	Trần Thị Thu	Nguyệt		Tran	6,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
16	18140052	Nguyễn Nam	Phương		Nam	5,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
17	18140053	Nguyễn Phan Hoàng	Phương		Phuong	2,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
18	18140054	Đỗ Nguyễn Xuân	Quỳnh		Du	4,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
19	18140058	Hồ Thị Thanh	Thảo		Hu	9,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
20	18140061	Nguyễn Thanh	Thiên		Nhuan	7	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
21	18140066	Ngô Đức	Toàn		Toan	7,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
22	18140068	Võ Trần Bích	Trâm		Vu	4	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
23	18140080	Nguyễn Thanh Tường	Vy		Nhuan	3	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
24	18140091	Võ Thị Ngọc	Mai		Vu	9,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
25	18140110	Đặng Tâm	Giang		Dang	2	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Nguyễn Nhật Tài..... Chữ ký: *Nhuan*
2) Trần Đông Phương..... Chữ ký: *Tran*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Lê Văn Anh Cường.....
Chữ ký: *Luan*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH2**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											5.0 +	Ghi chú
26	18140113	Nguyễn Mạnh	Hoàng			1	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
27	18140115	Nguyễn Minh	Kha			6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
28	18140118	Nguyễn Lê Bảo	Long			2,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
29	18140121	Nguyễn Phúc Thiên	Ngân			3	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
30	18140126	Trần Đình Quỳnh	Như			8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
31	18140129	Hồ Thị Phương	Quỳnh			10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
32	18140130	Nguyễn Cao	Sơn			4,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
33	18140131	Bùi Ngọc Đan	Thanh			8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
34	18140134	Võ Hiếu	Thảo			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
35	18140143	Lê Đặng Kim	Tường			9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
36	18140144	Lê Đặng Ngọc	Tường			9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
37	18140146	Nguyễn Thị Yến	Vi			3	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
38	18140148	Lê Ngọc Thụy	Vy			9	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
39	18140150	La Minh	Châu			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
40	18140151	Ngô	Muốn			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
41	18140152	Thạch Hà	Nam			3,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
42	18140154	Thái Huỳnh Thúy	An			8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
43	18140155	Đỗ Nguyễn Kim	Anh			2	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
44	18140156	Đoàn Lan	Anh			10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
45	18140158	Ngô Thị Vân	Anh			5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
46	18140159	Nguyễn Tuấn	Anh			5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
47	18140161	Bùi Công Gia	Bảo			10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
48	18140170	Hoàng Phạm Thành	Công			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
49	18140172	Nguyễn Trung	Cường			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
50	18140174	Nguyễn Hoàng Thành	Danh			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Nhật Tài Chữ ký:
2) Lê Thị Thuý Ngọc Chữ ký:

Họ, tên:
Lê Văn Anh Cường
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18HOH2**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											Số tờ	Ghi chú
51	18140181	Phan Huỳnh	Đức			4	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
52	18140182	Đỗ Thành	Dương			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
53	18140187	Lê Trần Thanh	Duy			1,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
54	18140191	Trương Thị Mỹ	Duyên			6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
55	18140193	Nguyễn Thị Tuyết	Giang			5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
56	18140194	Lâm Văn	Giàu			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
57	18140199	Lê Gia	Hân			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
58	18140200	Nguyễn Thái Trúc	Hân			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
59	18140201	Phạm Ngọc Gia	Hân			1,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
60	18140204	Lê Thị	Hạnh			2,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
61	18140207	Hồ Như	Hào			6,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
62	18140210	Trần Xuân	Hào			6	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
63	18140217	Đặng Thị Mỹ	Hoa			10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
64	18140218	Hoàng Thị Khánh	Hòa			3,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
65	18140220	Võ Thị Bích	Hồng			8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
66	18140221	Phan Nguyễn Nhật	Huân			1	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
67	18140223	Phạm Bùi Xuân	Hưng			5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
68	18140224	Trần Nguyễn Gia	Hưng			7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
69	18140226	Đào Thị Ngọc	Hương			3,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
70	18140229	Phạm Gia	Huy			9	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
71	18140230	Huỳnh Châu Thanh	Huyền			1,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
72	18140232	Nguyễn Duy	Khanh			9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
73	18140236	Trương Nguyễn Anh	Khoa			1	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
74	18140239	Nguyễn Lý An	Khương			4,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	
75	18140240	Nguyễn Thị Hiếu	Kiên			6,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) Lê Thị Thuý Nga Chữ ký:
 2) Trần Đông Phương Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Lê Văn Anh Cường
 Chữ ký:

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:
 Chữ ký:



DH-CQ-LT

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Mã học phần: **PHY00001**

Phòng thi: **E302**

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Nhật Tân</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u> 2) <u>Trần Đình Phụng</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Le Văn Anh Cường</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18CMT1**Ngày thi: **16/10/2018**Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	18220056	Nguyễn Tri	Khiêm					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	18220057	Nguyễn Đăng Minh	Khoa		<i>Khoa</i>	5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		<i>An</i>
3	18220058	Đậu Hoàng	Khôi		<i>Khôi</i>	0		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	18220059	Nguyễn Minh	Khôi		<i>Khôi</i>	3,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	18220061	Lâm Ngọc Như	Lam		<i>Lam</i>	9		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	18220062	Phạm Thị Phương	Lệ		<i>Lệ</i>	10		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	18220064	Phương Thị	Loan		<i>Loan</i>	9		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	18220065	Nguyễn Minh	Lợi		<i>lợi</i>	6		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	18220066	Bùi Nguyễn Hoàng	Long		<i>Nguyễn Hoàng</i>	3,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	18220067	Đặng Phước	Long		<i>long</i>	6,0		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		<i>An</i>
11	18220068	Doanh Đức	Long		<i>Long</i>	5,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		<i>An</i>
12	18220069	Hồ Phi	Long		<i>Phi</i>	7,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	18220071	Lê Phạm Cao	Minh					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	18220072	Đoàn Ngọc Thụy	My		<i>Thụy</i>	0		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	18220073	Nguyễn Thị Thiên	Ngân		<i>Ngân</i>	1		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	18220074	Phạm Thị Bảo	Ngân		<i>Ngân</i>	4		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	18220076	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi		<i>Yến</i>	0		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	18220077	Phạm Minh Khánh	Nhi		<i>Khánh</i>	0		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	18220078	Lê Tuyết	Nhiên		<i>Tuyết</i>	2,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	18220079	Đặng Thị Huỳnh	Như		<i>Huỳnh</i>	7,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	18220080	Nguyễn Thị Ý	Pha		<i>Ý</i>	7		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	18220081	Hoàng Quốc	Pháp		<i>Pháp</i>	3,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	18220082	Lê Hoài	Phong		<i>Phong</i>	7		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	18220084	Phạm Nguyễn Thiên	Phú		<i>Phú</i>	4		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	18220085	Trần Thị Kim	Phụng		<i>Phụng</i>	2,5		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Nguyễn Tuấn Anh*.....Chữ ký: *Nguyễn Tuấn Anh*
2) *Nguyễn Thị Ngọc Trang*.....Chữ ký: *Nguyễn Thị Ngọc Trang*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Lê Văn Anh Cường
Chữ ký: *Lê Văn Anh Cường*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18CMT1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	5 + 0.5	Ghi chú
26	18220087	Ngô Triết	Quân			3	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
27	18220088	Phạm Minh	Quyên			2,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
28	18220089	Trần Xuân	Sáng			3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
29	18220090	Hồ Phú	Tài			5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
30	18220091	Ngô Khí	Tài			0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
31	18220092	Trịnh Thuận	Tài			4,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
32	18220093	Nguyễn Thị Bích	Tâm			6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
33	18220094	Đỗ Thành	Tân			3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
34	18220098	Huỳnh Phương	Thảo			5,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
35	18220099	Trần Thị Thu	Thảo			5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
36	18220100	Nguyễn Thanh	Thịnh			7	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
37	18220101	Vũ Xuân	Thịnh			6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
38	18220102	Nguyễn Phúc	Thọ			6	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
39	18220105	Nguyễn Hồng Minh	Thư			4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
40	18220108	Trần Lưu Mai	Thy			2,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
41	18220109	Đỗ Đoàn Trọng	Tín			1,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
42	18220110	Bùi Duy Anh	Tôn			7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
43	18220111	Cao Thanh	Tòng			9	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
44	18220113	Nguyễn Phương	Trang			8	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
45	18220115	Phan Minh Hồng	Trí			1	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
46	18220116	Nguyễn Thị Cẩm	Trinh			3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
47	18220117	Nguyễn Thanh	Trúc			1	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
48	18220119	Bùi Gia	Vũ			4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
49	18220120	Lê Tường	Vy				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
50	18220121	Cao Chấn	Vỹ			0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Thị Xuân Chữ ký:
2) Nguyễn Xuân Anh Chữ ký:

Họ, tên:
Lê Văn Anh Cường
..... Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18CMT1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											5 0 +	Ghi chú
1	1315011	Nguyễn Thị Vân	Anh			3	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	1418410	Danh Ngọc	Hậu			2,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	1418411	Hoàng Nguyễn Quốc	Khánh			2,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	1512172	Phạm Thị Thanh	Hoài			8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	1522019	Nguyễn Tấn	Đạt			6	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	1619026	Nguyễn Hồng	Đạt				v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	1712396	Vũ	Duy			6	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	1722035	Nguyễn Hải	Đăng			6	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	1722061	Trần Anh	Khoa			7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	1722062	Bùi Trung	Kiên			8	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	1722063	Nguyễn Tuấn	Kiệt			8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	18220002	Trần Bá Duy	Khang			8	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	18220005	Hồ Trúc	Ngân			10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	18220006	Lê Nguyễn Kim	Ngân			8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	18220010	Lâm Tấn	Thành			1	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	18220011	Đường Minh	Thư			8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	18220012	Lê Huỳnh	Đức			9,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	18220013	Trần Tình	Nhi			5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	18220015	Phan Phương	Trinh			9	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	18220017	Thị	Nga			4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	18220018	Võ Thị	Hiền			9	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	18220019	Phan Thị Hồng	An			6	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	18220020	Hà Vũ Minh	Anh			4	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	18220021	Hoàng Nhật	Anh			1	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	18220022	Nguyễn Đăng Vân	Anh			5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1)	Họ, tên: 1)	Họ, tên:
2)	2)	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18CMT1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	5 + 0	Ghi chú
26	18220023	Võ Hà Tuấn	Anh		<i>huy</i>	0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
27	18220024	Phạm Thị Ngọc	Ánh		<i>Anh</i>	1	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
28	18220027	Dương Minh	Châu		<i>Châu</i>	10	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
29	18220030	Nguyễn Thị Hồng	Đào		<i>H</i>	5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
30	18220031	Huỳnh Kiến	Đạt		<i>huynh</i>	8,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
31	18220032	Lê Thành	Đạt		<i>dat</i>	8,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
32	18220033	Nguyễn Minh	Đạt		<i>dat</i>	0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
33	18220034	Lê Thanh	Diễm		<i>do</i>	1	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
34	18220035	Nguyễn Thị Thu	Diễm		<i>ru</i>	7,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
35	18220036	Nguyễn Văn	Đô		<i>do</i>	2,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
36	18220038	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		<i>Duyen</i>	7	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
37	18220039	Nguyễn Thị Thùy	Duyên		<i>thuy</i>	2	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
38	18220041	Trần Thị Mỹ	Duyên		<i>Duyen</i>	3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
39	18220042	Nguyễn Bùi	Giang		<i>nguyen</i>	1,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
40	18220043	Trần Triệu Hồng	Giang		<i>giang</i>	4,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
41	18220044	Lê Duy	Hậu		<i>han</i>	3	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
42	18220045	Trương Mỹ	Hoa		<i>myhoa</i>	8,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
43	18220046	Lại Thương	Hoài		<i>thai</i>	4	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
44	18220047	Trần Khải	Hoàn		<i>han</i>	9	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
45	18220049	Lý Thanh	Hưng		<i>thanh</i>	3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
46	18220050	Nguyễn Nhật	Huy		<i>huy</i>	1	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
47	18220051	Dương Thị Thúy	Huyền		<i>huyen</i>	3,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
48	18220052	Nguyễn Mai	Huyền		<i>huyen</i>	2,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
49	18220053	Phan Thị Thu	Huyền		<i>huyen</i>	1	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
50	18220054	Lê Hoàng	Kha		<i>kh</i>	5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <i>Lê Văn Cường</i> Chữ ký: <i>le</i>	Họ, tên: <i>Lê Văn Anh Cường</i> Chữ ký: <i>anh</i>	Họ, tên:
2) <i>Nguyễn Thị Thanh</i> Chữ ký: <i>thanh</i>	Chữ ký: <i>anh</i>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18CMT1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E105**

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:
1) Nguyễn Đức Phú	Chữ ký: [Signature]	1) Lê Văn Anh Cường		
2) Lê Văn Cường	Chữ ký: [Signature]	2) [Signature]		Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18KMT1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											Số + -	Ghi chú
1	18170080	Nguyễn Vũ	Nguyễn		<i>Nguyễn Vũ</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	18170081	Phạm Trần Hoàng	Nguyễn		<i>Nguyễn Hoàng</i>	2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	18170082	Lê Thị Tuyết	Nhi		<i>Lê Thị Tuyết</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	18170083	Nguyễn Bội	Nhi		<i>Nguyễn Bội</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	18170084	Nguyễn Trần Thanh	Nhi		<i>Nguyễn Trần Thanh</i>	4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	18170085	Nguyễn Yến	Nhi				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	18170086	Lê Ngọc Quỳnh	Như		<i>Lê Ngọc Quỳnh</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	18170090	Lưu Hoài Trúc	Phượng		<i>Lưu Hoài Trúc</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	18170091	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng		<i>Nguyễn Thị Mỹ</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	18170092	Nguyễn Thị Yến	Phượng		<i>Nguyễn Thị Yến</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	18170093	Nguyễn Thị Ngọc	Quế		<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	18170095	Nguyễn Thanh	Tâm		<i>Nguyễn Thanh</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	18170096	Nguyễn Thị	Tâm		<i>Nguyễn Thị</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	18170097	Phạm Hồng	Tâm				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	18170098	Lê Thị Hoài	Thanh		<i>Lê Thị Hoài</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	18170099	Nguyễn Kim	Thanh		<i>Nguyễn Kim</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	18170101	Đỗ Lê Quốc	Thành		<i>Đỗ Lê Quốc</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	18170102	Đồng Phương	Thảo		<i>Đồng Phương</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	18170103	Lê Thị Phương	Thảo		<i>Lê Thị Phương</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	18170104	Nguyễn Thị Như	Thảo		<i>Nguyễn Thị Như</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	18170105	Phạm Thị Diệu	Thảo		<i>Phạm Thị Diệu</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	18170106	Sơn Ngọc	Thảo		<i>Sơn Ngọc</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	18170107	Trần Thị Hoài	Thảo		<i>Trần Thị Hoài</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	18170109	Hoàng Xuân	Thiên				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	18170111	Nguyễn Quốc	Thông		<i>Nguyễn Quốc</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *1) Lê Anh Tuấn* Chữ ký: *Lê Anh Tuấn*
2) Lê Thị Thuần Chữ ký: *Lê Thị Thuần*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Trần Hoàng Lăng*
 Chữ ký: *Trần Hoàng Lăng*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18KMT1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E203**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
26	18170113	Nguyễn Minh	Thùy		<i>Mia</i>	4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	18170114	Lê Thị Thu	Thùy		<i>Thuy</i>	4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	18170115	Nguyễn Thị Bích	Thùy		<i>Thue</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	18170116	Huỳnh Lê Mỹ	Tiên		<i>My</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	18170117	Lê Thị Ngọc	Trâm		<i>Ngoc</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	18170120	Trần Thị Thu	Trang		<i>Tg</i>	0,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	18170121	Nguyễn Đăng	Trí		<i>Tru'</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	18170122	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc		<i>Truc</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	18170123	Nguyễn Thị Cẩm	Tú		<i>Thi</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	18170125	Nguyễn Minh	Tuấn		<i>Ngoc</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	18170127	Trần Văn Anh	Tuấn		<i>Quân</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	18170130	Trần Thị Lệ	Uyên		<i>Quyen</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	18170132	Võ Hồ Vy	Vân		<i>Van</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	18170133	Nguyễn Đình	Văn		<i>Ngoc</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	18170134	Trần Tuấn	Vĩ		<i>Ngoc</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	18170135	Lương Thái	Vinh		<i>Van</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	18170136	Trần Quốc	Vinh		<i>Quynh</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	18170140	Nguyễn Hồng Kim	Vy		<i>Thuy</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	18170141	Nguyễn Nhật	Vy				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
45	18170142	Trần Ngọc Khánh	Vy		<i>Ngoc</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
46	18170143	Bùi Thị	Xuân		<i>Xuan</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
47	18170144	Nguyễn Trần Hồng	Xuân		<i>Xuan</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
48	18170145	Lâm Thị Như	Ý		<i>Nhu</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
49	18170148	Lê Mai Hoàng	Yến		<i>Ngoc</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
50	18170802	Nguyễn Đăng	Khoa		<i>Ngoc</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Lê Thị Thuân* Chữ ký: *Thuy*
2) *Lê Anh Tuấn* Chữ ký: *Thuy*

Họ, tên: *Trần Hoa Long*
..... Chữ ký: *Thuy*

Họ, tên:
..... Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KMT1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E203**

[illegible]

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Trần Thuận</u>	Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Trần Hoa Long</u>	Họ, tên:
1) <u>Lê Anh Tuấn</u>	Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KMT1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E206**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm										+0,5	Ghi chú	
1	1421211	Võ Hoàng	Lâm				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
2	1512487	Trần Minh	Tâm				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
3	1515225	Trịnh Lê Hoàng	Sơn				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
4	1518082	Nguyễn Thị	Hương		Huơng	9,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	○	
5	1621010	Nguyễn Thị Hồng	Diễm				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
6	1621011	Võ Thị Ngọc	Diễm				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
7	1712792	Lê Phúc	Thịnh				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
8	1720176	Nguyễn Văn	Phúc				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
9	1722040	Phạm Tiến	Dũng				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
10	1723011	Trần Kim	Can		m	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
11	1723036	Lê Nhật	Phạm		ls	10,0	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	10	○
12	18170014	Lê Ngọc	Long		Luy	3,0	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
13	18170015	Phạm Thanh	Ngân		Nga	6,5	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
14	18170016	Hoàng Thị Như	Quỳnh		Ph	6,0	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	○	
15	18170017	Nguyễn	Tuấn		Anun	5,0	○	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
16	18170022	Mông Văn	Toàn		Joar	2,0	○	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
17	18170023	Vũ Hoàng Thiên	Ân		An	1,0	○	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
18	18170024	Lê Bảo	Anh		Anh	3,0	○	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
19	18170025	Nghiêm Vũ Hoàng	Anh		ng	7,0	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
20	18170026	Trần Ngọc Vân	Anh		canv	2,0	○	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
21	18170027	Trần Ngọc	Ánh		lylk	7,5	○	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●	
22	18170028	Nguyễn Trần Gia	Bảo		Ph	5,0	○	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
23	18170031	Trần Ngọc Minh	Châu				●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
24	18170032	Nguyễn Thị Mai	Chi		meil	6,0	○	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	○	
25	18170033	Võ Thanh	Danh		Danh	9,5	○	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	●	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Bùi Kim Ngọc* Chữ ký: *Ng*
1) *Bùi Kim Ngọc* Chữ ký: *Ng*
2) *Lê Ngọc Tuấn* Chữ ký: *lnt*

Họ, tên: *Trần Hoa Lăng* Chữ ký: *nh*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KMT1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E206**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											5 0+	Ghi chú
26	18170034	Lương Nữ Huyền	Diệu		<i>[Signature]</i>	1,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	18170035	Nguyễn Nhật Quỳnh	Đoan		<i>[Signature]</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	18170036	Huỳnh Thị Giản	Đơn		<i>[Signature]</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	18170037	Liêu Tấn	Đức		<i>[Signature]</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	18170041	Mai Trường	Giang		<i>[Signature]</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	18170044	Nguyễn Ngọc	Hân		<i>[Signature]</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	18170045	Uông Đỗ Như	Hân		<i>[Signature]</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	18170046	Nguyễn Thị	Hằng		<i>[Signature]</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	18170048	Võ Văn	Hoàn		<i>[Signature]</i>	3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	18170052	Nguyễn Lê Quốc	Huy		<i>[Signature]</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	18170054	Lê Thị Diễm	Huỳnh		<i>[Signature]</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	18170055	Nguyễn Thị Mai	Khanh		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	18170056	Trần Nguyễn Phương	Khanh		<i>[Signature]</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	18170057	Ngô Hữu	Khôi		<i>[Signature]</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	18170058	Nguyễn Hà Minh	Khuê		<i>[Signature]</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	18170059	Vương Tuấn	Kiệt		<i>[Signature]</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	18170060	Trần Văn Tiểu	Long		<i>[Signature]</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	18170062	Lê	Minh		<i>[Signature]</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	18170064	Trần Anh	Minh		<i>[Signature]</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
45	18170065	Lê Toàn	Mỹ		<i>[Signature]</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
46	18170067	Nguyễn Thanh	Nam		<i>[Signature]</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
47	18170069	Huỳnh Thị Kim	Ngân		<i>[Signature]</i>	10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
48	18170070	Lý Ngọc	Ngân				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
49	18170071	Trần Kim	Ngân		<i>[Signature]</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
50	18170072	Nguyễn Trần Phương	Nghi		<i>[Signature]</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *[Signature]*
1) *[Signature]* Chữ ký: *[Signature]*
2) *[Signature]* Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *[Signature]*
.....
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

BẢNG ĐIỂM

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KMT1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E206**

[illegible]

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Đỗ Kim Ngọc</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Trần Hoa Lăng</u>	Họ, tên:
1) <u>Lê Văn Tuấn</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0.5	Ghi chú
1	1419067	Nguyễn Đình	Đề			0,0	☒	☒ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
2	1514202	Võ Lập	Phương			8,5	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ☒ ⑨ ⑩	☒											
3	1516061	Nguyễn Hoàng	Kha			1,0	☒	① ☒ ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
4	1519043	Trần Thanh	Hải				☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
5	1717019	Trần Thị Thúy	An			8,0	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ☒ ⑨ ⑩	☐											
6	1719011	Khang Thị Giao	Linh			2,0	☒	① ① ☒ ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
7	1719228	Nguyễn Quốc	Tuấn			3,0	☒	① ① ② ☒ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
8	1722051	Bùi Minh	Hoàng			3,0	☒	① ① ② ☒ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
9	1722102	Trần Minh	Quang			8,0	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ☒ ⑨ ⑩	☐											
10	1722111	Nguyễn Quốc	Thái			4,5	☒	① ① ② ③ ☒ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
11	18190002	Đinh Thùy	Dương			8,0	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ☒ ⑨ ⑩	☐											
12	18190004	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi			8,5	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ☒ ⑨ ⑩	☒											
13	18190007	Trần Nguyễn Nguyên	An			3,5	☒	① ① ② ☒ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
14	18190009	Trần Thị Trúc	Mai			7,5	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ☒ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
15	18190010	Đặng Tấn	Phát			10	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ☒ ⑩	☐											
16	18190011	Kiều Minh	Thiện			9,0	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ☒ ⑩	☐											
17	18190012	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên			7,5	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ☒ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
18	18190013	Lê Đặng Thanh	An			4,5	☒	① ① ② ③ ☒ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
19	18190015	Lâm Nguyễn Trinh	Anh				☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
20	18190016	Ngô Đức	Anh		Anh	1,0	☒	① ☒ ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
21	18190017	Nguyễn Quế	Anh			8,0	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ☒ ⑨ ⑩	☐											
22	18190018	Nguyễn Thị Trúc	Anh			4,0	☒	① ① ② ③ ☒ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											
23	18190021	Phùng Bá Hoàng	Anh			4,5	☒	① ① ② ③ ☒ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
24	18190023	Vũ Thị Thiên	Anh			6,5	☒	① ① ② ③ ④ ⑤ ☒ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☒											
25	18190025	Trần Sử Đình	Bá		Ba'	5,0	☒	① ① ② ③ ④ ☒ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	☐											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lê Thiện Đạt Chữ ký:
2) Lê Thị Ngọc Tiên Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Đức Hòa
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											5 + 0,5	Ghi chú
26	18190026	Đặng Thiên	Bạch		<i>Thiên</i>	0,5	(v)	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
27	18190028	Nguyễn Lê Gia	Bảo		<i>Bao</i>	1,0	(v)	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
28	18190030	Trần An	Bình		<i>An</i>	0,5	(v)	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
29	18190033	Lê Văn	Cường				(v)	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○
30	18190034	Trần Quốc	Cường		<i>Quoc</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	●	
31	18190035	Nguyễn Hoàng	Đan		<i>Hoa</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	○	
32	18190037	Trần Tiến	Đạt		<i>Tien</i>	2,5	(v)	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
33	18190038	Bùi Thiên	Diệu		<i>Thien</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
34	18190039	Nguyễn Hữu	Doanh		<i>Huu</i>	5,5	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	●	
35	18190042	Nguyễn Thị Ngọc	Dung		<i>Ngoc</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	○	
36	18190043	Lê Tiến	Dũng		<i>Tien</i>	3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
37	18190044	Nguyễn Huy	Dũng		<i>Huy</i>	3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
38	18190047	Nguyễn Khánh	Duy		<i>Khanh</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	○	
39	18190048	Nguyễn Võ Trường	Duy		<i>Vu</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
40	18190049	Hồ Hoàng	Giang		<i>Hoa</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
41	18190050	Nguyễn Thị	Hà		<i>Ha</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	○	
42	18190052	Trần Văn	Hào		<i>Hao</i>	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●	
43	18190053	Đỗ Ngọc	Hậu		<i>Ngoc</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	○	
44	18190055	Nguyễn Minh	Hậu				(v)	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○
45	18190056	Nguyễn Thị Xuân	Hiệp		<i>Xuan</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
46	18190057	Đỗ Minh	Hiếu		<i>Minh</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	●	
47	18190058	Lê Thành Quang	Họ		<i>Thanh</i>	3,5	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	●	
48	18190059	Nguyễn Văn	Hòa		<i>Hoa</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	●	5	6	7	8	9	10	●	
49	18190062	Nguyễn Quang	Hùng		<i>Quang</i>	0,5	(v)	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
50	18190063	Trần Thanh	Hùng				(v)	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Lê Thiên Đạt* Chữ ký: *LTD*
1).....
2).....
.....

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Nguyễn Đức Hải*
.....
.....
.....

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
.....
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										Số + 0 +	Ghi chú
51	18190064	Lê Quốc	Hưng			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
52	18190065	Phan Khánh	Hưng			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
53	18190067	Văng Thị Diễm	Hương			4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
54	18190068	Trần Đức	Huy			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
55	18190071	Phạm Duy	Khanh			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
56	18190072	Võ Phạm Duy	Khanh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
57	18190073	Cao Đăng Phương	Khánh			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
58	18190074	Nguyễn Ngọc Vi	Khánh			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
59	18190075	Nguyễn Đăng	Khoa			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
60	18190076	Phan Lâm Đăng	Khoa			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
61	18190077	Trần Đăng	Khoa			0,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
62	18190078	Võ Đăng	Khoa			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
63	18190079	Dương Anh	Khôi			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
64	18190080	Lê Quốc Anh	Kiệt			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
65	18190081	Trương Hoàng Tuấn	Kiệt			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
66	18190082	Huỳnh Thị Kim	Lan			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
67	18190083	Trần Phạm Hương	Lan			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
68	18190084	Nguyễn Lê Nhựt	Linh			1,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
69	18190085	Nguyễn Nhựt	Linh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
70	18190086	Thái Văn	Linh			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
71	18190087	Lương Thành	Lộc			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
72	18190088	Phạm Đức	Lợi			1,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
73	18190089	Nguyễn Hoàng	Long			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
74	18190091	Lê Quang	Mạnh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
75	18190092	Lã Nhật	Minh			3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Ngọc Trang Chữ ký:
1) Lê Thị Nguyễn Tiến Thành Chữ ký:
2) Nguyễn Tiến Thành Chữ ký:

Họ, tên: Nguyễn Đức Hòa Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

BẢNG ĐIỂM

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E205**

[illegible]

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Ngọc Trang..... Chữ ký: 	Họ, tên: Nguyễn Đức Hải.....	Họ, tên:
2) Lê Thị Đan..... Chữ ký: 	Chữ ký: 	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH-P**Ngày thi: **01/11/2018** Giờ thi: **13:30**Phòng thi: **C33**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	18146002	Bùi Thị Lan	Anh		<i>[Signature]</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	18146003	Cao Quỳnh	Anh		<i>[Signature]</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	18146004	Đỗ Tiến Nhật	Anh		<i>[Signature]</i>	6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	18146005	Huỳnh Bảo	Anh		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	18146007	Nguyễn Thị Trúc	Anh		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	18146009	Nguyễn Thị Thùy	Duyên		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	18146010	Lâm Khương Trường	Giang		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	18146011	Phạm Nguyễn Thanh	Hằng		<i>[Signature]</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	18146012	Đoàn Linh	Huy		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	18146013	Phạm Nguyễn Khánh	Linh		<i>[Signature]</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	18146014	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	18146016	Phan Ngọc Mai	Phương		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	18146019	Đỗ Phùng Kim	Thanh		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	18146020	Nguyễn Trần Hoàng	Thi		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	18146022	Nguyễn Gia	Thuận		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	18146025	Bùi Thanh	Tú		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	18146027	Trần Hà Thùy	Dương		<i>[Signature]</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	18146029	Nguyễn Tấn Vĩnh	Tùng		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	18146030	Lê Quỳnh	Anh		<i>[Signature]</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	18146031	Trần Đức	Anh		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	18146033	Đỗ Hồng	Đào				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	18146034	Liễn Thị Thu	Dung		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	18146035	Trần Vũ Kim	Dung		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	18146036	Nguyễn Thị Thu	Hà		<i>[Signature]</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	18146037	Trần Nguyễn Phương	Hà		<i>[Signature]</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Phạm Nguyễn H. Thái* Chữ ký: *[Signature]*
 1).....
 2).....
 Chữ ký: *[Signature]*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Châu Văn Tào*

 Chữ ký: *[Signature]*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18HOH-P**Ngày thi: **01/11/2018** Giờ thi: **13:30**Phòng thi: **C33**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											Số tổng	Ghi chú
26	18146039	Nguyễn Xuân	Huy					0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
27	18146040	Trần Quang	Hy		Hy	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
28	18146041	Nguyễn Duy	Kha		Kha	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
29	18146042	Đoàn Nhật	Khang		Khang	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
30	18146044	Lê Vĩnh	Khiêm		Lê	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
31	18146045	Vũ Anh	Khoa		Vũ	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
32	18146046	Huỳnh Gia	Kiệt		Kiệt	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
33	18146048	Trần Ngọc	Linh		shuk	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
34	18146049	Lê Thị Mỹ	Nhân		Nhân	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
35	18146050	Trần Thị Hồng	Ninh		Ninh	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
36	18146051	Nguyễn Hoài	Phúc		phuc	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
37	18146052	Đỗ Thành Minh	Quang		Quang	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
38	18146054	Phạm Thanh Như	Quỳnh		Ph	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
39	18146055	Huỳnh Thiên	Thào		Thao	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
40	18146056	Bùi Minh	Thư		Minh	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
41	18146057	Trần Lê Minh	Trang		Trang	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
42	18146058	Nguyễn Xuân Thị Cát	Tường		CT	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
43	18146059	Trần Xuân	Vi		Vi	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
44	18146061	Trần Hà Tường	Vy		Vy	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
45	18146062	Trần Ngọc Thảo	Vy		Nhà	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
46	18146063	Nguyễn Thị Hải	Yến		Nguyễn	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
47	18146065	Huỳnh Phương Gia	Bảo		Bao	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
48	18146066	Lê Hải	Đăng		Đăng	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
49	18146067	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hoa		Hoa	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) Ngô Thế Luân Chữ ký: Ngô Thế Luân
2) Phạm Nguyễn H. Thuận Chữ ký: Phạm Nguyễn H. Thuận

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Châu Văn Tào Chữ ký: Châu Văn Tào

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18KTH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											5 0 +	Ghi chú
1	1415434	Trần Thị Thu	Thảo		<i>Thảo</i>	0,5	(v)	●	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	●	
2	1418020	H Duyn	Bkrông		<i>Qy</i>	2,0	(v)	①	②	●	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○	
3	1611032	Trần Quốc	Cường		<i>Quốc</i>	1,5	(v)	①	●	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	●	
4	1612354	Nguyễn Thành	Long				●	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
5	1612550	Lê Chí	Rôn		<i>Rôn</i>	8,5	(v)	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	●	⑨	⑩	●		
6	1612828	Nguyễn	Vũ		<i>Vũ</i>	4,0	(v)	①	②	③	●	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
7	1613008	Đinh Ngọc	Anh		<i>Anh</i>	6,0	(v)	①	②	③	④	⑤	●	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
8	1712364	Bùi Chí	Dũng		<i>Chí</i>	5,0	(v)	①	②	③	④	●	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
9	1712724	Huỳnh Công	Sinh		<i>Sinh</i>	6,5	(v)	①	②	③	④	⑤	●	⑦	⑧	⑨	⑩	●		
10	1712782	Đào Thanh	Thiện		<i>Thiện</i>	6,5	(v)	①	②	③	④	⑤	●	⑦	⑧	⑨	⑩	●		
11	1715112	Trần Ngọc Mỹ	Duyên		<i>Mỹ</i>	5,0	(v)	①	②	③	④	●	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
12	1718241	Lê Dương Bích	Ngọc				●	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
13	1721007	Nguyễn Thành	Chương		<i>Chương</i>	5,0	(v)	①	②	③	④	●	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
14	1723013	Lê Mạnh	Cường		<i>Mạnh</i>	1,5	(v)	①	●	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	●	
15	1723019	Lê Vinh	Hiển		<i>Hiển</i>	4,0	(v)	①	②	③	●	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
16	1723039	Nguyễn Đình Thiên	Phúc		<i>Phúc</i>	5,0	(v)	①	②	③	④	●	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
17	18210001	Dương Mỹ	Hoa		<i>Hoa</i>	8,0	(v)	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	●	⑨	⑩	○		
18	18210003	Đặng Minh	Anh		<i>Anh</i>	5,5	(v)	①	②	③	④	●	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	●		
19	18210004	Lê Mai	Anh		<i>Anh</i>	5,5	(v)	①	②	③	④	●	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	●		
20	18210007	Nguyễn Thị Kim	Chi		<i>Chi</i>	9,0	(v)	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	●	⑩	○		
21	18210009	Trần Thị Anh	Đào		<i>Anh</i>	3,5	(v)	①	②	●	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	●		
22	18210014	Nguyễn Thị Diệu	Linh		<i>Diệu</i>	7,0	(v)	①	②	③	④	⑤	⑥	●	⑧	⑨	⑩	○		
23	18210015	Trần Kiêm Khánh	Linh		<i>Khánh</i>	6,0	(v)	①	②	③	④	⑤	●	⑦	⑧	⑨	⑩	○		
24	18210017	Nguyễn Thị	Nga		<i>Nga</i>	6,5	(v)	①	②	③	④	⑤	●	⑦	⑧	⑨	⑩	●		
25	18210019	Huỳnh Hữu	Phước		<i>Phước</i>	2,0	(v)	①	●	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	⑩	○		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: *Như Quỳnh Trang* Chữ ký: *Quỳnh*
1) *Như Quỳnh Trang* Chữ ký: *Quỳnh*
2) *Huỳnh Hữu Phước* Chữ ký: *Phước*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Lê Thuý Thanh Giang*
Lê Thuý Thanh Giang Chữ ký: *Giang*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18KTH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											Số + -	Ghi chú
26	18210020	Lâm Thiên	Phước			1,0	(v)	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	18210021	Lê Tôn Nữ Cúc	Phương			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	0	
28	18210022	Văn Đình	Qui			5,5	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	●	
29	18210026	Trần Ngọc Anh	Thư			3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	18210027	Phạm Văn	Thuyền			3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	18230003	Phạm Thị Phương	Kha			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	●	
32	18230008	Nguyễn Đức Hoàng	Long			1,0	(v)	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	18230009	Phạm Hoàng	Long			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	0	
34	18230010	Trang Tuyết	Nghi			3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	18230011	Trương Minh	Tân			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	●	
36	18230014	Nguyễn Phúc Khang	An			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	
37	18230016	Nguyễn Thanh	Cung			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
38	18230017	Đỗ Mạnh	Cường			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	0	
39	18230018	Trương Vĩ	Cường			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
40	18230019	Phan Tiến	Dân			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	0	
41	18230020	Nguyễn Hải	Đặng			5,0	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	0	
42	18230021	Nguyễn Công	Danh			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	
43	18230022	Lê Ngô Tiến	Đạt			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
44	18230023	Liêng Triết Bằng	Đình			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	0	
45	18230025	Nguyễn Thiệu	Duyên			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	0	
46	18230026	Trần Thị Hương	Duyên			3,5	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	●	
47	18230028	Nguyễn Hồng	Hà			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	0	
48	18230031	Hồ Tấn	Hiếu			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
49	18230032	Phan Thị Túy	Hoài			2,5	(v)	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
50	18230033	Hà Bảo	Hồng			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	●	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) Đinh T. Lan Anh Chữ ký:
2) Huỳnh N. P. Ngọc Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Lê TT. Quang
 Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18KTH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											5 cộng	Ghi chú
51	18230034	Nguyễn Thị	Hương		<i>Hương</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	○	
52	18230036	Trà Tấn	Huy		<i>Trà Tấn</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
53	18230037	Nguyễn Duy	Khải		<i>Khải</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
54	18230040	Phạm Tấn	Kiệt		<i>Kiệt</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
55	18230041	Trần Thị Thuý	Loan		<i>Trần Thị Thuý</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
56	18230042	Trần Gia	Long		<i>Long</i>	0,0	(v)	●	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
57	18230043	Đặng Vũ Phương	Nguyên		<i>Đặng Vũ Phương</i>	3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	
58	18230044	Nguyễn Thành	Nhân		<i>Nguyễn Thành</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
59	18230046	Phan Thị Hồng	Nhi		<i>Phan Thị Hồng</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	○	
60	18230047	Trần Ngọc Ái	Nhi		<i>Trần Ngọc Ái</i>	2,5	(v)	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	●	
61	18230048	Trần Duy	Phong		<i>Trần Duy</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	●	8	9	10	○	
62	18230049	Đoàn Ngọc	Phụng		<i>Đoàn Ngọc</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	○	
63	18230050	Vũ Ngọc	Phước		<i>Vũ Ngọc</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
64	18230052	Nguyễn Hoàng Vĩ	Quân		<i>Nguyễn Hoàng Vĩ</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
65	18230053	Bùi Quan	Qui		<i>Bùi Quan</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	●	
66	18230054	Tô Phước	Sang		<i>Tô Phước</i>	1,0	(v)	0	●	2	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
67	18230057	Nguyễn Giang	Thanh		<i>Nguyễn Giang</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
68	18230058	Nguyễn Hữu	Thiện		<i>Nguyễn Hữu</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	●	
69	18230060	Trương Thị Anh	Thư		<i>Trương Thị Anh</i>	2,0	(v)	0	1	●	3	4	5	6	7	8	9	10	○	
70	18230063	Nguyễn Thủy	Tiên		<i>Nguyễn Thủy</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	●	
71	18230064	Trần Lê Tấn	Tiến		<i>Trần Lê Tấn</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	●	9	10	○	
72	18230065	Nguyễn Quang	Tín		<i>Nguyễn Quang</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	●	10	○	
73	18230066	Nguyễn Trọng	Tín		<i>Nguyễn Trọng</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	●	7	8	9	10	●	
74	18230070	Phạm Thanh Phương	Trình		<i>Phạm Thanh Phương</i>	5,0	(v)	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10	○	
75	18230071	Nguyễn Thị	Tuyết		<i>Nguyễn Thị</i>	3,0	(v)	0	1	2	●	4	5	6	7	8	9	10	○	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) *Tôn Nữ A. Tạng* Chữ ký: *Tông Nữ A. Tạng*
2) *Đinh T. Lan Anh* Chữ ký: *Đinh T. Lan Anh*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: *Lê TT. Giang*
Chữ ký: *giang*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KTH1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **07:45**

Phòng thi: **E303**

[illegible]

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Phú Thảo</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Lê TT Quang</u>	Họ, tên:
2) <u>Đinh T Lan Anh</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký: <u>quang</u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18SHH1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											Số + -	Ghi chú
1	18150130	Lê Đoàn Trung	Hiếu		<i>Hiếu</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	18150131	Nguyễn Minh	Hiếu		<i>Minh</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	18150132	Nguyễn Minh	Hiếu		<i>Minh</i>	8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	18150134	Trịnh Mỹ	Hiếu		<i>Mỹ</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	18150135	Vô Ngọc	Hiếu		<i>Ngọc</i>	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	18150136	Hà Thị Tuyết	Hoa		<i>Tuyết</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	18150137	Nguyễn Phương	Hoa		<i>Phương</i>	1,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	18150138	Trần Mỹ	Hoàn		<i>Mỹ</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	18150139	Trang Thanh	Hoàng		<i>Thanh</i>	4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	18150140	Phạm Khánh	Hội		<i>Khánh</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	18150141	Phùng Lê Cẩm	Hồng		<i>Cẩm</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	18150143	Dương Quốc	Hùng		<i>Quốc</i>	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	18150144	Vũ Đức	Hùng		<i>Đức</i>	4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	18150145	Đào Ngọc	Hùng		<i>Ngọc</i>	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	18150146	Lê Đình	Hưng		<i>Đình</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	18150147	Trương Gia	Hưng		<i>Gia</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	18150148	Võ Ngọc Hoàng	Hưng		<i>Hoàng</i>	4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	18150149	Phạm Thị Lan	Hương		<i>Lan</i>	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	18150150	Võ Song	Hương		<i>Song</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	18150151	Giang Minh	Huy		<i>Minh</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	18150152	Lê Đức	Huy		<i>Đức</i>	3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	18150153	Ngô Xuân	Huy		<i>Xuân</i>	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	18150154	Nguyễn Lê	Huy		<i>Lê</i>	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	18150155	Phạm Minh	Huy		<i>Minh</i>	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	18150156	Trần Minh	Huy		<i>Minh</i>	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Nguyễn Nhật Tài* Chữ ký: *Nguyễn Nhật Tài*
2) *Lê Thị Huỳnh Mai* Chữ ký: *Lê Thị Huỳnh Mai*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
V.S. Quốc Phong Chữ ký: *V.S. Quốc Phong*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
..... Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18SHH1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										5 0+	Ghi chú
26	18150158	Nguyễn Ngọc	Huyền		<i>Nguyễn Ngọc Huyền</i>	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
27	18150159	Nguyễn Thị	Huyền		<i>Nguyễn Thị Huyền</i>	5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
28	18150162	Huỳnh Như	Huỳnh		<i>Huỳnh Như</i>	0,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
29	18150163	Trần Nguyễn Trúc	Huỳnh		<i>Trần Nguyễn Trúc</i>	7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
30	18150165	Đinh Nguyễn Hoàng	Khang		<i>Đinh Nguyễn Hoàng</i>	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
31	18150166	Võ Vy	Khanh		<i>Võ Vy</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
32	18150167	Trần Lê Kim	Khánh		<i>Trần Lê Kim</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
33	18150168	Trần Ngọc	Khánh		<i>Trần Ngọc</i>	6,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
34	18150170	Lưu Anh	Khoa		<i>Lưu Anh</i>	7,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
35	18150172	Nguyễn Thanh	Kim		<i>Nguyễn Thanh</i>	1,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
36	18150173	Nguyễn Kiều Trúc	Lam		<i>Nguyễn Kiều Trúc</i>	4,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
37	18150175	Dương Nhược	Lan		<i>Dương Nhược</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
38	18150177	Bế Thị Diệu	Linh		<i>Bế Thị Diệu</i>	1,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
39	18150178	Diệp Gia	Linh		<i>Diệp Gia</i>	1,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
40	18150179	Lê Thanh Trúc	Linh		<i>Lê Thanh Trúc</i>	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
41	18150181	Nguyễn Thuỳ	Linh		<i>Nguyễn Thuỳ</i>	6,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
42	18150182	Quách	Lợi		<i>Quách</i>	3,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
43	18150183	Hoàng	Long		<i>Hoàng</i>	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
44	18150184	Lê Văn Bảo	Long		<i>Lê Văn Bảo</i>	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
45	18150185	Mai Thế	Long		<i>Mai Thế</i>	7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
46	18150186	Nguyễn Lữ Hoàng	Long		<i>Nguyễn Lữ Hoàng</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
47	18150187	Phạm Thị	Lương		<i>Phạm Thị</i>	6,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
48	18150188	Võ Thị Thanh	Lý		<i>Võ Thị Thanh</i>	7,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
49	18150190	Nguyễn Thị Khánh	Mai		<i>Nguyễn Thị Khánh</i>	2,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
50	18150192	Lê Hoàng Duy	Minh		<i>Lê Hoàng Duy</i>	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Nhật Tài</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Nhật Tài</i>	Họ, tên: 1) <i>Võ Quốc Phong</i> Chữ ký: <i>Võ Quốc Phong</i>	Họ, tên: 1) Chữ ký:
2) <i>Trần Đình Phương</i> Chữ ký: <i>Trần Đình Phương</i>	2) Chữ ký:	2) Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18SHH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										Số tờ +	Ghi chú
51	18150193	Lư	Minh		Minh	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
52	18150194	Nguyễn Mạnh Nhật	Minh		Minh	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
53	18150195	Trần Ngọc Anh	Minh		Anh	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
54	18150196	Trương Tuấn	Minh		Minh	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
55	18150197	Nguyễn Huỳnh	Mơ		huynh	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
56	18150198	Lê Nguyễn Ái	My		ai	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
57	18150199	Nguyễn Công	Mỹ		cong	5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
58	18150201	Lê Hoài	Nam		hoai	9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
59	18150202	Nguyễn Hoài	Nam		hoai	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
60	18150205	Lê Ngọc Thanh	Ngân		ngan	4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
61	18150206	Nguyễn Thị Kim	Ngân				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
62	18150207	Nguyễn Thị Thúy	Ngân		thuy	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
63	18150208	Nguyễn Thiên	Ngân		thien	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
64	18150209	Tôn Nữ Hoàng	Ngân		huong	7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
65	18150210	Trương Thị Kim	Ngân		ngan	9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
66	18150211	Nguyễn Lê Khánh	Nghi		nghe	2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
67	18150213	Trịnh Đông	Nghi		dong	3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
68	18150215	Nguyễn Xuân	Nghiên		xuan	2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
69	18150218	Phan Thị	Ngọc		thi	10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
70	18150219	Trần Thị Kim	Ngọc		kim	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
71	18150220	Hà Ý Khánh	Nguyên		nguyen	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
72	18150221	Huỳnh Thanh	Nguyên		thanh	8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
73	18150223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt		nguyet	7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
74	18150224	Đặng Văn	Nhân		nguyen	6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
75	18150225	Lê Đình Trí	Nhân		trinh	2,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) Trần Đông Phương Chữ ký: [Signature]
2) Lê Thị Huỳnh Mai Chữ ký: [Signature]

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Vs Quốc Phong
 Chữ ký: [Signature]

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**

Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18SHH1**

Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										Số tờ	Ghi chú
1	18150001	Đoàn Thị Huyền	An		An	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
2	18150002	Phạm Hoàng Phương	Anh		Pham	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
3	18150006	Nguyễn Thảo	Nguyễn		Nguyen	7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
4	18150010	Võ Diễm	Phúc		Vu	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
5	18150011	Huỳnh Thanh	Phương		Huynh	6,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
6	18150013	Nguyễn Hoàng Như	Thảo		Nguyen	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
7	18150014	Phạm Phương	Thảo		Pham	9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
8	18150016	Trương Huỳnh Thanh	Thúy		Truong	9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
9	18150017	Nguyễn Lê Quốc	Tiến		Nguyen	9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
10	18150018	Phạm Trần Quỳnh	Trâm		Pham	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
11	18150019	Lưu Phương	Tú		Luu	9,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
12	18150022	Dương Hàn Ngọc	Vân				(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
13	18150024	Lê Trương	Thắng		Le	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
14	18150025	Vũ Trí	Vy		Vu	4,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
15	18150026	Võ Thị Trường	An		Vu	4,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
16	18150029	Hoàng Thị	Diễm		Hoang	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
17	18150032	Lâm Gia	Hân		Lam	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
18	18150033	Nguyễn Thị Thu	Hiền		Nguyen	8,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
19	18150034	Hoàng Ngọc	Huân		Hoang	2,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
20	18150041	Vũ Bảo	Trâm		Vu	9,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
21	18150044	Lê Kỳ	Yên		Le	5,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
22	18150045	Nguyễn Thị Kim	Yến		Nguyen	4,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
23	18150047	Bạch Xuân	An		Bach	6,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
24	18150048	Đồng Nguyễn Tường	An		Do	7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
25	18150050	Trần Thế	An		Tran	10	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Đinh T. Lan Anh Chữ ký: [Signature]
2) Huỳnh N. Ng. Phụng Thu Chữ ký: [Signature]

Họ, tên: Võ Quốc Phong
Chữ ký: [Signature]

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18SHH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										Số + 0	Ghi chú
26	18150051	Trương Thị Thúy	An			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
27	18150052	Nguyễn Huỳnh Long	Ân			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
28	18150056	Lâm Thanh Quế	Anh			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
29	18150057	Lê Thị Lan	Anh			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
30	18150058	Nguyễn Đức	Anh			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	18150059	Nguyễn Ngọc Mỹ	Anh			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
32	18150060	Nguyễn Thị Lan	Anh			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
33	18150061	Nguyễn Thị Mai	Anh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
34	18150064	Trần Hoài Phương	Anh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
35	18150065	Văn Hoàng Bảo	Anh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
36	18150066	Võ Thị Quế	Anh			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
37	18150067	Đỗ Trần Phương	Ánh			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
38	18150068	Nguyễn Huy	Ánh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
39	18150069	Lê Hoàng Gia	Bào			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
40	18150070	Lê Nguyễn Gia	Bào			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
41	18150072	Nguyễn Huỳnh Hoài	Bào			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
42	18150073	Nguyễn Vũ Gia	Bào			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
43	18150074	Phạm Hoàng Gia	Bào			4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
44	18150075	Tạ Gia	Bào			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
45	18150076	Trần Thái	Bình				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
46	18150081	Võ Huỳnh Hồng	Châu			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
47	18150082	Trần Thị Kim	Chung			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
48	18150084	Ngô Hoàng	Danh			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
49	18150085	Nguyễn Tiến	Đạt			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
50	18150086	Trần Văn	Đến			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Phạm Thị Ngọc Phương.....Chữ ký:
2) Đinh Thị Lan Anh.....Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Võ Quốc Phong
Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)**Mã học phần: **PHY00001**Lớp: **18SHH1**Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00**Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+0.5	Ghi chú	
51	18150087	Đỗ Kim	Diệu			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
52	18150088	Nguyễn Ngọc Huyền	Đoan			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
53	18150089	Nguyễn Huy	Đức			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
54	18150091	Huỳnh Ngọc	Dung			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
55	18150093	Nguyễn Thị Thuý	Dương			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
56	18150094	Trần Thái	Dương			1,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
57	18150095	Trương Trùng	Dương			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
58	18150098	Trần Minh	Duy			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
59	18150099	Lê Thị Kiều	Duyên			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
60	18150100	Nguyễn Khánh	Duyên			1,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
61	18150101	Nguyễn Thảo	Duyên			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
62	18150102	Nguyễn Thị Hạnh	Duyên			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
63	18150103	Trương Kỳ	Duyên			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
64	18150104	Trương Triệu Mỹ	Duyên			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
65	18150105	Lê Nguyễn Ngân	Giang			4,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
66	18150107	Phạm Ngọc Quỳnh	Giao			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
67	18150108	Đặng Ngọc Khánh	Hà			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
68	18150110	Nguyễn Thụy Ngân	Hà			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
69	18150111	Nguyễn Nhật	Hạ			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
70	18150114	Nguyễn Trần Bảo	Hân			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
71	18150115	Phạm Gia	Hân			2,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
72	18150116	Nguyễn Lê Thúy	Hằng			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
73	18150117	Nguyễn Thị Bích	Hằng			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
74	18150119	Trần Thị	Hằng			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
75	18150121	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh			1,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) Chữ ký:
2) Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:

